

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 02/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 05/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐHPT-TA ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1982

HKTT: Xóm 3, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: Đội 14, thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1979;

HKTT và Trú tại: Xóm 3, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị T và anh Đ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị T trình bày: Chị và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 31/7/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi nhau. Anh Đ thường xuyên uống rượu về nhà chửi mắng vợ con. Mỗi lần anh Đ uống rượu về lại gây sự với chị, đánh chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như việc học tập của các con. Mặt khác, anh Đ còn nghi ngờ chị có tình cảm với người khác nên cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng. Cũng nhiều lần chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sống nhưng nghĩ đến các con và anh Đ hứa sẽ thay đổi nên chị lại quay về. Tuy nhiên, khi chị về nhà anh Đ vẫn không thay đổi mà còn xúc phạm đến cả gia đình bố mẹ chị. Gia đình hai bên đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng cũng không cải thiện được cuộc sống vợ chồng. Chị đã quyết định đi làm kinh tế xa nhà khoảng 1 năm để anh Đ tự nhìn nhận lại bản thân cũng như tình cảm vợ chồng nhưng khi về nhà chung sống cùng với anh Đ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp diễn và căng thẳng hơn. Đến tháng 1/2020 chị đã về là bố mẹ đẻ ở Kim Tân – Kim Thành sống. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Đ trình bày: Anh Đ xác định về điều kiện và thời gian kết hôn như chị T trình bày. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị T lại có quan hệ với người đàn ông khác không quan tâm đến chồng và các con. Đến tháng 2 năm 2020 chị T đã bỏ bố con anh về nhà bố mẹ đẻ ở Kim Tân – Kim Thành sống. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Chị T và anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn M, sinh ngày 26/12/2000 và Hoàng Văn H, sinh ngày 23/10/2006. Hiện cháu M đã trưởng thành nên anh Đ chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H có nguyện vọng ở với anh Đ, anh đồng ý và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T đồng ý anh Đ nuôi cháu H và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Đ nếu anh Đ yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ xác định không có nên đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên quan điểm: Xin ly hôn, anh Đ nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chị đồng ý. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát

nguyên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu **Hoàng Văn H, sinh ngày 23/10/2006** cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn Đ hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Lương (nay là xã Kim Liên), huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi nhau. Anh Đ cũng xác định vợ chồng chồng mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau và tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại từ tháng 2/2020. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ đều xác định có 2 con chung là cháu Hoàng Văn M sinh năm 2000 và cháu Hoàng Văn H sinh năm 2006. Hiện cháu M đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu H anh chị đều tôn trọng quyền quyết định ở với ai của cháu H. Tại biên bản lấy lời khai của cháu H thể hiện cháu có nguyện vọng xin ở với anh Đ, anh Đ đồng ý và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, cần giao cháu Hoàng Văn H cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T, cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn Đ.

3. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Văn H, sinh ngày 23/10/2006 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001349 ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh Đ. Báo cho chị T, anh Đ biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích